

Bản án số: **01/2025/HS-ST**
Ngày: 07-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 66/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 15/8/1997 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: số A, ấp D, xã C, huyện G, tỉnh B; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: không xác định, mẹ là bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1981; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; về nhân thân:

- Ngày 23/8/2024, bị Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền phạt 1.500.000 đồng, đã nộp phạt;

- Ngày 14/11/2024, bị Công an huyện Giồng Trôm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 20/8/2024, số tiền phạt 2.500.000 đồng, đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 21/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 24/8/2024 cho đến nay. (có mặt)

2. **Lâm Quốc V**, sinh ngày 26/02/1998 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: số A1, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh B; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lâm Văn T, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Bị

cáo là con lớn nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; về nhân thân:

- Ngày 23/8/2024, bị Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền phạt 1.500.000 đồng, đã nộp phạt;

- Ngày 14/11/2024, bị Công an huyện Giồng Trôm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 20/8/2024, số tiền phạt 2.500.000 đồng, đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 21/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 24/8/2024 cho đến nay. (có mặt)

3. **Võ Vũ B**, sinh ngày 08/10/1995 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: số A2, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Thành V (đã chết) và bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1967; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có bốn anh em; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2024 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:*

Ông Nguyễn Văn Trần M, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp P1, xã A, huyện T, tỉnh D.

Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1984; (có mặt)

Nơi thường trú: ấp A3, xã B1, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Nơi thường trú: số A4, ấp P, xã P3, thành phố B, tỉnh B.

Bà Phạm Thúy O, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Nơi thường trú: số A5, khu phố A6, phường P4, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/8/2024 đến ngày 21/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn H đã cùng bị cáo Võ Vũ B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp C, xã P, huyện G, tỉnh B; cùng bị cáo Lâm Quốc V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp A3, xã B1, huyện G, tỉnh B, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 15/8/2024, bị cáo H rủ bị cáo V đến nhà bị cáo B tại ấp C, xã P, huyện G để tìm bị cáo B đòi số tiền 4.000.000 đồng bị cáo B nợ bị cáo H trước đó. Bị cáo V điều khiển xe gắn máy 60FH-4819 mượn của bạn tên Nguyễn Thành T để đi chơi trước đó, chở bị cáo H đến nhà bị cáo B. Tại đây, bị cáo B không có tiền trả nên bắt 01 con gà đưa cho bị cáo H để trừ nợ 500.000 đồng. Bị cáo H và bị cáo V về được một đoạn thì thấy xe gắn máy sắp hết xăng nên quay trở lại tiếp tục đòi

tiền bị cáo B để lấy tiền đồ xăng. Lúc trở vào, bị cáo H đứng nói chuyện với bị cáo B, còn bị cáo V đứng gần đó chờ bị cáo H, do không có tiền trả cho bị cáo H nên bị cáo B nảy sinh ý định giúp cho bị cáo H lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 51L1-6251 của ông Nguyễn Văn Trần M, sinh năm 1983, ĐKTT: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh D, là bạn của bị cáo B đang nằm ngủ trên bộ ván gỗ ở nhà trước để trừ số tiền bị cáo B nợ bị cáo H, bị cáo H đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, bị cáo B vào nhà tắt đèn chiếu sáng, mở một bên cửa ra vào đang còn khép ra, bị cáo H nhẹ nhàng dắt xe mô tô của ông M ra khỏi nhà bị cáo B rồi dùng chìa khóa gắn sẵn trên xe, nổ máy rồi điều khiển xe chạy đi khỏi hiện trường. Lúc này, bị cáo V đã điều khiển xe gắn máy chạy đi trước. Khi chạy được khoảng 01km, bị cáo H dừng xe lại tháo biển số xe mô tô vừa trộm được để vứt bỏ nhưng không tháo được nên kêu bị cáo V giúp bị cáo H, bị cáo V tháo biển số xe và vứt vào bụi cỏ ven đường. Đến sáng cùng ngày, bị cáo H kêu bị cáo V cùng đem xe mô tô bị cáo H trộm được đến quán bán nước giải khát của bà Phạm Thúy O ở thành phố Bến Tre cầm được số tiền 500.000 đồng, bị cáo H đã tiêu xài hết số tiền này.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô, không có biển kiểm soát, số máy: FMH-201478, số khung P - 203478, đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Trần M.
- 01 xe gắn máy 60FH-4819, hiện chưa xác định rõ nguồn gốc, đã chuyển cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.
- Quá trình xác minh truy tìm vật chứng không tìm được biển số xe 51L1-6251.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm, kết luận vào thời điểm bị chiếm đoạt, tài sản có giá trị như sau: 01 xe mô tô, không có biển kiểm soát, số máy: FMH-201478, số khung P-203478, xe mua cũ, đã qua sử dụng vào khoảng tháng 7/2024, giá 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Do có quen biết với ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1984, ĐKTT: ấp A3, xã B1, huyện G, tỉnh B, trong những lần đến nhà ông N chơi, bị cáo H biết ông N thường xuyên phải gửi xe mô tô biển kiểm soát 71K1-4622 tại nhà bà Nguyễn Thị P ở cùng ấp rồi đi ghe về nhà. Khoảng 02 giờ ngày 21/8/2024, bị cáo H nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của ông N đem cầm lấy tiền tiêu xài. Bị cáo H nói với bị cáo V thông tin về chiếc xe của ông N và rủ bị cáo V đi lấy trộm, bị cáo V đồng ý. Bị cáo V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71K9-0822 (xe này do bị cáo V và bị cáo H lấy trộm vào ngày 20/8/2024 trên địa bàn thành phố B) chở bị cáo H đi từ xã P, huyện G đến xã B1. Khoảng 04 giờ cùng ngày, khi đến khu vực trước nhà bà P, bị cáo V đậu xe ở trước lộ chờ còn bị cáo H vào tìm xe để trộm. Bị cáo H thấy xe mô tô của ông N dựng trước thềm ba, không người trông coi nên quay trở ra kêu bị cáo V vào phụ bị cáo H lấy xe. Bị cáo V mở đèn flash điện thoại rọi đèn cho bị cáo V tìm rút dây điện của xe nhưng không tìm được. Bị cáo V dẫn xe mô tô của ông N ra ngoài lộ, bị cáo H phụ đẩy phía sau. Ra đến lộ bê tông, bị cáo V đạp máy xe nhưng không nổ nên bị cáo H điều khiển xe mô tô 71K9-0822 kéo đẩy xe vừa trộm được do bị cáo V ngồi trên xe điều

hiển. Đi được một đoạn, bị cáo V phát hiện chìa khóa xe treo bên hông xe nên gắn vào đạp máy nhưng không nổ, bị cáo H tiếp tục kè đẩy xe một đoạn thì bị cáo V phát hiện bugi xe đã bị tháo nên gắn vào nổ máy xe chạy trước, bị cáo H điều khiển xe chạy phía sau. Khi đến khu vực thuộc ấp P, xã L, huyện G, thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ V và tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 71K1-4622 vừa trộm được. Bị cáo H bỏ chạy, sau đó bị Công an mời về làm việc, tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 71K9-0822.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu FULJIR, màu sơn nâu, có gắn biển kiểm soát 71K1-4622, kèm giấy đăng ký xe mô tô, đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Hữu N.

- 01 xe mô tô 71K9-0822, hiện chưa xác định được chủ sở hữu, đã chuyển cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm, kết luận vào thời điểm bị chiếm đoạt, tài sản có giá trị như sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, màu sơn nâu, có gắn biển kiểm soát 71K1-4622, mua cũ, đã qua sử dụng khoảng năm 2017, giá 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu N đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không yêu cầu các bị cáo H, V bồi thường bất cứ khoản nào; bị hại Nguyễn Văn Trần M đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không yêu cầu các bị cáo H, B bồi thường bất cứ khoản nào.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSGT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Lâm Quốc V từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Võ Vũ B từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/01/2025);

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại Nguyễn Văn Trần M, Nguyễn Hữu N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đề nghị ghi nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử lý vật chứng xong trong giai đoạn điều tra;

+ Đối với 01 xe gắn máy biển kiểm soát 60FH-4819 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71K9-0822, hiện chưa xác định rõ nguồn gốc, đã chuyển cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B cùng khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đồng ý với kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo H, V, B xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Văn N khai: Khoảng 04 giờ ngày 21/8/2024, ông bị mất trộm xe mô tô biển kiểm soát 71K1-4622 dựng trước thềm ba tại nhà bà Nguyễn Thị P ở ấp A3, xã B1, huyện G, tỉnh B, sự việc đúng như Cáo trạng đã nêu. Ông đồng ý với kết luận định giá, giám định; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và không có yêu cầu các bị cáo H, V bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H, V thì ông N yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn Trần M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, về tài sản bị mất đã được nhận lại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T, bà Phạm Thúy O vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị hại M; ông T, bà O. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo H, V, B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ, ngày 15/8/2024, tại ấp C, xã P, huyện G, tỉnh B, bị cáo H cùng với bị cáo B có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 51L1-6251 trị giá 2.500.000 đồng của ông Nguyễn Văn Trần M. Khoảng 04 giờ, ngày 21/8/2024, tại ấp A4, xã B1, huyện G, tỉnh B, bị cáo H cùng với bị cáo V có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 71K1-4622 trị giá 3.500.000 đồng của ông Nguyễn Hữu N. Các bị cáo H, V, B là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Các bị cáo H, V, B thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, giá trị tài sản bị chiếm đoạt đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, hành vi của các bị cáo H, V, B đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo H, V, B là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Bị cáo B và bị cáo B cùng thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 15/8/2024; bị cáo H còn cùng bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 21/8/2024, nên xác định là đồng phạm, tuy nhiên đồng phạm có tính chất giản đơn, không có phân công vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo H là người cung cấp thông tin, chủ động đề xuất rủ bị cáo V đi lấy trộm tài sản và hai lần thực hiện

hành vi lấy trộm tài sản. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo B và bị cáo V.

Các bị cáo H, V, B nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm tài sản với ý định sẽ bán để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân:

+ Bị cáo H và bị cáo V chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính nên xác định các bị cáo có nhân thân xấu.

+ Bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội hai lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Bảo, bị cáo Việt không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo H, V, B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo V và bị cáo B phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo B có ông ngoại tên Võ Văn R, bà ngoại tên Phan Thị D là liệt sỹ nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Qua phân tích, xem xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với các bị cáo H, V đều có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này các bị cáo còn thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản của người khác đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo đã không chấp hành đúng chính sách, pháp luật của công dân ở nơi cư cư trú, do đó, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo sau này trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời để răn đe phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và ngoài ra bị cáo còn có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo B có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo luật định, giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, quyết định cho bị cáo B được hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo H, V đang bị giam, trước đây bị cáo H có nghề nghiệp là công nhân, bị cáo V và bị cáo B có nghề nghiệp làm thuê, mức thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại Nguyễn Văn Trần M, Nguyễn Văn N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác.

[9] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã xử lý các vật chứng, cụ thể như sau:

- Ngày 15/11/2024, đã trả 01 xe mô tô, không có biển kiểm soát, số máy: FMH-201478, số khung P-203478 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Trần M.

- Ngày 18/10/2024, đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu FULJIR, màu sơn nâu, có gắn biển kiểm soát 71K1-4622, kèm giấy đăng ký xe mô tô cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Hữu N.

Xét thấy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử lý các vật chứng nêu trên là phù hợp với khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được ghi nhận.

Đối với 01 xe gắn máy biển kiểm soát 60FH-4819 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71K9-0822, hiện chưa xác định rõ nguồn gốc, đã chuyển cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Đối với việc Nguyễn Văn H bàn bạc thống nhất cùng Võ Vũ B thực hiện hành vi trộm xe mô tô của bị hại Nguyễn Văn Trần M, V cũng có mặt tại nhà B nhưng không nghe thấy nội dung trao đổi và không biết việc Hận và Bảo trộm cắp tài sản của người khác. V nghĩ đây là xe mô tô của V đưa cho H để trừ nợ nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản trong lần phạm tội này.

Đối với việc Nguyễn Văn H cùng Lâm Quốc V thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 71Z1-1971 trị giá 1.200.000 đồng của bà Phạm Thị Song T vào khoảng 14 giờ vào ngày 20/8/2024 tại ấp S, xã P, huyện G, tỉnh B, Công an huyện Giồng Trôm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, V và trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho bà T là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V đem cầm tài sản trộm được cho bà Phạm Thúy O, bà O không có hứa hẹn trước và cũng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà O đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản hay tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo H, V, B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[13] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V và Võ Vũ V phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Lâm Quốc V 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2024.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Phạt bị cáo Võ Vũ B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 07/01/2025.

Giao bị cáo Võ Vũ B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Võ Vũ B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Võ Vũ B) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Võ Vũ B) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Võ Vũ B thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra:

- Đối với 01 xe gắn máy biển kiểm soát 60FH-4819 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71K9-0822, hiện chưa xác định rõ nguồn gốc, chuyển cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Lâm Quốc V, Võ Vũ B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan **CSDT** Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phong Nẫm;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giồng Trôm;
- Bị cáo; **Bị hại**;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Minh Thơ